

# CÁC VÙNG NGUYÊN LIỆU VÀ SẢN XUẤT THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG CỦA THÁI LAN

NGUYỄN VĂN KIM\*

## Dẫn luận

Trong số các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Thái Lan từng giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động giao thương khu vực, quốc tế. Vào những thế kỷ đầu sau Công nguyên (SCN) giới thương nhân Ấn Độ từng có mối quan hệ mật thiết và vai trò nổi bật trong các hoạt động sản xuất, thúc đẩy quan hệ giao lưu với các vương quốc cổ Thái Lan và nhiều quốc gia khu vực Đông Nam Á. Nhưng từ khoảng thế kỷ X-XIII, tức từ thời Tống (960-1279) trở đi, thương nhân Trung Hoa đã từng bước chiếm ưu thế ở thị trường khu vực. Do sự tiến bộ về kỹ thuật hàng hải và nhu cầu tiêu dùng sản phẩm bên ngoài của các Đế chế nông nghiệp (*Agricultural empires*), một khối lượng lớn sản vật, nguyên liệu của các quốc gia khu vực đã được đưa về Trung Quốc. Trong lịch sử, Trung Quốc không chỉ là một *Trung tâm văn minh nông nghiệp* mà còn là *Trung tâm sản xuất thủ công* và là *Thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn* của phương Đông<sup>(1)</sup>. Điều đó cũng có nghĩa rằng, nhiều đoàn thuyền mành Trung Hoa đã tích cực thâm nhập vào vùng vịnh Xiêm cũng như hệ thống sông Chao Phraya, Tha Chine, Mae Klong. Cùng với các phát hiện khảo cổ học, nguồn tư liệu văn bản

có thể khai thác từ Trung Quốc cũng như các quốc gia trong khu vực đã chứng tỏ điều đó.

Sự hiện diện của các thương nhân quốc tế không chỉ đã góp phần đem lại một diện mạo mới trong quan hệ giao thương giữa các quốc gia Đông Nam Á mà điều quan trọng là họ còn làm thay đổi đời sống xã hội, văn hoá của cư dân bản địa. Thương nhân, thợ thủ công quốc tế đã đem đến các quốc gia khu vực kỹ thuật đóng thuyền, tri thức hàng hải và niềm tin tôn giáo. Sự phát triển hải thương cùng sức hấp dẫn của các vùng nguyên liệu, sản phẩm đặc thù của vùng nhiệt đới đã thúc đẩy sự hình thành các trung tâm trung chuyển hàng hoá khu vực, quốc tế đồng thời cuốn hút những luồng nhập cư cũng như thúc đẩy quan hệ bang giao. Trong khoảng thời gian từ 1289-1290, sứ giả của vùng *Suvarnabhumi* đã đến Trung Quốc. Năm 1291, triều đình nhà Nguyên (1206-1368) cũng đã đón tiếp sứ đoàn của vương quốc Sukhothay. Kết quả là, hai nước đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao và trao đổi thương mại<sup>(1)</sup>.

Những thành tựu nghiên cứu hiện nay cho phép chúng ta khẳng định rằng, trước khi các nhà thám hiểm phương Tây tìm được đường đi đến phương Đông, dựa vào

\* PGS.TS Nguyễn Văn Kim, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN

các tuyến hải trình hoạt động theo quy luật gió mùa, nhiều cộng đồng cư dân sống ven vùng vịnh Xiêm, hạ lưu Chao Phraya và bờ Đông của vịnh Bengal đã có mối liên hệ mật thiết với cư dân Đông Á trong đó có Trung Quốc. Họ không chỉ trao đổi các loại giống cây trồng, vật nuôi, thực phẩm, vũ khí, nguyên liệu, công cụ sản xuất, đồ trang sức mà còn học hỏi kỹ thuật luyện kim, đóng thuyền, kiến trúc, âm nhạc và nghệ thuật... Sự phân bố của trống đồng và các loại hình vũ khí, công cụ, đồ trang sức bằng đồng trên một không gian rộng lớn chứng minh cho quan điểm đó<sup>(2)</sup>. Tương tự như vậy, từ các trung tâm sản xuất thủ công, nhiều sản phẩm thiết yếu cho sinh hoạt đời thường như vải lụa (bông, lanh, gai), trang phục, vật dụng... được trao đổi giữa các vùng và giữa cư dân đất liền với hải đảo. Các tiến bộ về kỹ thuật hàng hải đặc biệt từ thế kỷ XV-XVI đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho cư dân Đông Nam Á có thể chủ động đem các thương phẩm của mình trao đổi với thị trường Đông Bắc Á cùng một số vùng Tây Nam Á.

### 1. Các vùng nguyên liệu và trung tâm sản xuất thủ công

Ở Thái Lan, vào thế kỷ IX-X đã hình thành một số trung tâm chuyên sản xuất chuỗi hạt và đồ trang sức. Tiêu biểu trong số đó là trung tâm sản xuất - thương cảng Muang Thong với địa danh Ko Kho Khao nổi tiếng. Phần lớn các đồ trang sức ở đây được chế tác bằng thủy tinh màu nhập từ Trung Đông. Cùng với nguyên liệu thủy tinh người ta cũng đã phát hiện được cả ngọc, bình, nạm thủy tinh từ vùng Arập do các thương nhân Tây Á đưa đến. Điều đáng chú ý là, sản phẩm thủy tinh cùng đồ trang sức của Muang Thong đều là các

chế phẩm thương mại nổi tiếng. Những sản phẩm đó đã được trao đổi với các thương nhân Laem Pho ở phía Đông để đổi lấy gốm sứ Trung Hoa.

Nghệ nhân Muang Thong chế tạo đồ trang sức theo những kỹ thuật khác biệt với vùng Khuan Luk Pat. Các nhà khảo cổ học cho rằng, kỹ thuật mà thợ thủ công, nghệ nhân Muang Thong sử dụng là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những yếu tố truyền thống với kỹ thuật mới du nhập từ bên ngoài mà chủ yếu là từ các nghệ nhân vùng nam Ấn. Người ta đã tạo ra được nhiều loại hình sản phẩm với kiểu dáng độc đáo. Điều đó có nghĩa rằng, ưu thế cạnh tranh của các sản phẩm này luôn ở mức cao do đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng đa dạng của thị trường khu vực. Nhiều chế phẩm của Trung Đông và Muang Thong đã được cư dân các vương quốc cổ ưa chuộng. Tại không ít di chỉ thời kỳ Dvaravati, cùng với thủy tinh Tây Á các nhà khoa học cũng thường phát hiện được gốm sứ Islam. Có thể cho rằng, trong các chuyến hải trình đến thị trường Đông Nam Á, thương thuyền quốc tế đã dừng lại ở đây để trao đổi, mua bán sản phẩm và nhiều khả năng họ cũng đồng thời trao đổi nguyên liệu cũng như các loại bán thành phẩm. Kết quả là, cảng Muang Thong trở thành trung tâm xuất nhập nguyên liệu - xuất khẩu chuỗi hạt thủy tinh thành phẩm lớn của thế giới.

Tương tự như vậy, cùng với nguồn nguyên liệu đá bản địa, thợ thủ công, thương nhân Thái còn nhập đá quý của Ấn Độ. Họ cũng đồng thời học tập kỹ thuật chế tác đá, thủy tinh của người Ấn và Tây Á. Bằng chứng khảo cổ học cho thấy, giữa Arikamedu (Ấn Độ) với Khuan Luk Pat (Thái Lan) đã sớm có mối liên hệ

chặt chẽ. ở cả hai thương cảng đã phát hiện thấy những loại hình hiện vật, chuỗi hạt có niên đại từ khoảng thế kỷ thứ II mà những hiện vật, chuỗi hạt đó không tìm được ở bất cứ nơi nào khác. Dựa trên sự phân tích chất liệu cùng loại hình sản phẩm, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, hẳn là từ Khuan Luk Pat các nguyên liệu thô để chế tạo đồ trang sức đã được xuất sang Arikamedu. Tại đó, sản phẩm được gia công rồi xuất trở lại Khuan Luk Pat để tiêu thụ<sup>(3)</sup>. Dựa trên các kết quả khảo sát và khai quật khảo cổ học, Khuan Luk Pat được coi là “Đồi của các chuỗi hạt”. ở đây các nhà khoa học đã phát hiện được nhiều khuôn đúc, vòng hạt, đồ trang sức bằng đá quý khắc chữ Brahmi miền Bắc ấn. Chuyên gia ấn Độ học nổi tiếng GS. Karashima Noburu cho rằng: “Nơi đây có thể coi là một trong những trung tâm quan trọng chế tác đồ trang sức và một số người ấn đã cùng làm việc với các nghệ nhân địa phương”<sup>(4)</sup>.

Nhờ có các phát hiện về khảo cổ học, chúng ta thấy gốm sứ Trung Quốc cũng như thủy tinh, đá trang sức từ ấn Độ, Ba Tư cùng nhiều loại tiền bạc, vàng, đồng của các quốc gia đã được đưa đến các cảng, trung tâm sản xuất trên đất Thái. Sự hiện diện của nhiều loại hình tiền tệ, thương phẩm... chứng tỏ nhiều thương nhân quốc tế đã đem các sản vật của quê hương họ đến trao đổi tại vùng đất này. Điều đáng chú ý là, không ít hiện vật có nguồn gốc ngoại nhập đã được tìm thấy với số lượng lớn ở các khu định cư dọc theo các dải bờ biển như U Thong, Nakhonchaisri, Kubua ở miền Trung; Chaiya, Nakhon Si Thammarat, Yarang ở Pattani và Narathiwat thuộc miền Nam Thái.

Từ thế kỷ VII đến XI, cùng với những

sản phẩm thủ công và kim loại quý như vàng, bạc thiếc đã trở thành một sản phẩm xuất khẩu chính của quốc gia cổ Dvaravati. Nhiều thế kỷ sau thiếc vẫn là nguồn thương phẩm xuất khẩu quan trọng của người Thái. Hiện vật phát hiện được trong các tàu đắm ở vịnh Xiêm thời kỳ Ayutthaya (1351-1767) cho thấy nhu cầu tiêu thụ thiếc của thị trường khu vực. Bên cạnh đó, quặng sắt cũng là một sản phẩm xuất khẩu của Thái Lan. Đến cuối thế kỷ XVI, trong *Thời đại hoàng kim* của hệ thống hải thương châu Á (1450-1680), nhiều Châu ấn thuyền (*Shuin sen*) Nhật Bản cũng đã nhập về sắt, thiếc của vương quốc này<sup>(5)</sup>.

Như vậy, mối liên hệ giữa các cảng, trung tâm sản xuất thủ công của Thái Lan và Đông Nam Á với các cảng vùng biển Andaman là rất gần gũi. Do sự phát triển của giao thương quốc tế, ở cả hai khu vực bờ Tây cũng như bờ Đông của vịnh Xiêm đã dần hình thành các trung tâm định cư lớn. Vương quốc Dvaravati nắm quyền kiểm soát hầu như toàn bộ miền Trung Thái Lan còn Srivijaya thì khống chế vùng bán đảo Mã Lai và hầu hết quần đảo Indônêxia<sup>(6)</sup>. Đến đầu thế kỷ XI, hiểu rõ vai trò và những nguồn lợi thương mại từ phía Tây, từ vùng Biển Hồ đế chế Angkor cũng muốn vươn mạnh đến lưu vực sông Chao Phraya, kiểm soát bán đảo Mã Lai nhằm thiết lập “mối quan hệ trực tiếp hơn nữa với các tuyến thương mại quốc tế”<sup>(7)</sup>.

Nhưng đến thế kỷ X-XI, cùng với Dvaravati một số vương quốc khác hình thành trên lãnh thổ Thái Lan hiện nay đã diễn ra nhiều biến đổi về quy mô dân số, kinh tế, văn hoá. Những biến đổi đó đã làm rung chuyển nền tảng thiết yếu của

quốc gia cổ đại này. Trong thời gian đó, tuy khu vực hạ lưu Chao Phraya cũng như bán đảo Mã Lai vẫn tiếp tục duy trì nhiều mối liên hệ gần gũi với các cảng Nam ấn nhưng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc ngày một tăng cường ở Đông Nam Á. Cùng với sự hiện diện của các đoàn thuyền buôn, tiền đồng Trung Hoa (được phát hiện ở nhiều thương cảng, đô thị cổ) đã được sử dụng như một đơn vị tiền tệ phổ biến trong các hoạt động kinh tế của các quốc gia khu vực.

Tình trạng suy thoái của các cảng ở khu vực phía Tây giáp với Ấn Độ Dương đã là một trong những tác nhân quan trọng dẫn đến sự suy giảm hoạt động của nhiều ngành kinh tế khu vực này. Tuy nhiên, một số thương cảng mới lại xuất hiện ở phía Đông vùng vịnh Xiêm. Nhiều bằng chứng khảo cổ học cho thấy các cảng này đã có mối liên hệ mật thiết với vùng Sathing Phra (tỉnh Songkhla). Nhiều loại chuỗi hạt thuỷ tinh với màu sắc đa dạng không chỉ cho thấy khả năng sáng tạo của cư dân bản địa mà còn là sự thể hiện những ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa với khu vực. Phong cách nghệ thuật độc đáo đó đã khiến cho đồ trang sức thuỷ tinh miền Đông Thái Lan trở nên nổi tiếng. Trên thực tế, các sản phẩm này đã được xuất đi nhiều quốc gia khu vực và người ta gọi đó là "*Chuỗi hạt Mutisala*". Phong cách chế tác này vẫn có nhiều ảnh hưởng đến nghệ thuật giai đoạn sau nhất là thời đại Sukhothay. Nhưng đến thời kỳ Ayutthaya (1351-1767), cùng với kỹ thuật chế tác đồ trang sức truyền thống, trong mối giao lưu ngày càng trở nên rộng mở, nhiều loại hình sản phẩm thủ công, nghệ thuật Thái đã chịu ảnh hưởng của các trung tâm kỹ nghệ châu Á và cả những tác động của châu Âu.

Khác với kỹ thuật chế tác đá, thuỷ tinh tiếp nhận ảnh hưởng từ vùng Tây Nam Á, các thương nhân, thợ thủ công, nghệ nhân các vương quốc cổ Thái Lan đã sớm có mối giao lưu và thừa hưởng một số truyền thống chế tạo gốm khu vực đặc biệt là gốm sứ Trung Hoa. Từ những loại hình gốm sớm, không men (hẳn là đã được sử dụng trên các thuyền buôn và khó có thể coi là sản phẩm thương mại), các thợ thủ công, nghệ nhân đã chế tác được loại gốm có đường viền trang trí mang phong cách ấn Độ - La Mã (*Roman-Indian rouletted ware*). Loại gốm này cũng từng được phát hiện ở Brunei, Bali có nhiều đặc tính giống với gốm có đường viền trang trí ở miền Trung Thái Lan thuộc thời đại văn hoá Dvaravati. Nhưng từ khoảng thế kỷ VIII, với những ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc thời Đường (618-907) cũng như văn hoá Arập, kỹ thuật chế tác gốm của người Thái cũng có sự thay đổi. Gốm tráng men bắt đầu được du nhập vào Thái. Phát hiện khảo cổ học tại các di chỉ ở Muang Thong, Laem Pho đã cho thấy có tới khoảng 10 loại gốm Trung Quốc được nhập vào Thái Lan với số lượng lớn.

Khảo cứu cụ thể chúng ta thấy, gốm Đường tìm thấy ở cả hai thương cảng đều được chế tạo từ các lò khác nhau và nhìn chung đều có chất lượng tốt. Qua các phát hiện đó người ta cũng đặt ra giả thuyết rằng phải chăng gốm Trung Quốc thời Đường được đưa đến Laem Pho là do sự đặt hàng của các thương nhân Arập. Nhưng cũng có khả năng, chính nhu cầu tiêu thụ cao của thị trường quốc tế về gốm sứ Trung Quốc đã khuyến khích các thợ thủ công, nghệ nhân Thái mô phỏng theo kỹ thuật chế tác, kiểu dáng Trung Hoa để tạo ra những sản phẩm của mình<sup>(8)</sup>.

Tiếp nối truyền thống thủ công và thương mại, từ thế kỷ XIII-XV, chính quyền Sukhothay rồi Ayutthaya đều rất coi trọng sự phát triển của kinh tế công thương. Thay thế cho các trung tâm chế tác thuỷ tinh và gốm cổ, nhiều trung tâm sản xuất thủ công mới lại xuất hiện trong đó có Sangkalok, Bang Poon (Suphaburi), Mae Nam Noi... Đó là những khu vực chuyên sản xuất sản phẩm thương mại nổi tiếng. Trong các dòng gốm cổ của Thái Lan, gốm Sangkalok có một vị trí nổi bật. Một số nhà nghiên cứu cho rằng Sangkalok có nhiều yếu tố tiếp nối từ truyền thống Buriam. Đến thế kỷ XIII, dòng gốm này bắt đầu chiếm ưu thế trên thị trường Thái và khu vực bởi màu men ngọc sang trọng cũng như loại hình sản phẩm đa dạng. Từ thế kỷ XIII, gốm sứ Trung Quốc với các lò nổi tiếng vùng Long Xuyên, Phúc Kiến đã có thể sản xuất ra những sản phẩm hết sức tinh tế. Học giả người Pháp G.Coedès từng cho rằng chính Rama Kamheng (1277-1317), người có công lao lớn đưa triều đại Sukhothay đến sự phát triển cường thịnh đã “từng đến Trung Hoa một hoặc có thể hai lần và chính ông đã mang về nghệ thuật làm gốm sứ. Về điểm này truyền thuyết đã hàm chứa phần nào sự thật vì không nghi ngờ gì một số lò gốm ở Sukhothay và Sakalok là do người Trung Quốc xây dựng”<sup>(9)</sup>. Bên cạnh đó, loại sứ men trắng cũng từng được người châu Âu biết đến dưới tên gọi “Sứ Marco Polo” (*Marco Polo ware*). Với tư cách là một thị trường lớn, một trung tâm trung chuyển hàng hoá quan trọng trong khu vực, Ayutthaya từng nhập về nhiều sản phẩm gốm sứ từ Trung Quốc, Đại Việt và Miến Điện (Mianma).

Trên cơ sở những phát triển mạnh mẽ của các nhân tố xã hội, kinh tế... vào thế

kỷ XIII-XIV một số vương quốc đã xuất hiện ở miền Trung và Nam Thái Lan. Vương quốc Thái độc lập đầu tiên là Sukhothay (1238-1438) đã có những liên hệ mật thiết với miền Nam Ayutthaya, quốc gia trung tâm trong lịch sử Thái Lan suốt 416 năm sau đó<sup>(10)</sup>. Do nằm giữa Lopburi và Suphanburi thuộc vùng hạ lưu Chao Phraya có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nên ngay từ thế kỷ XIV Ayutthaya đã trở thành trung tâm thương mại sôi động. Được thừa hưởng nhiều nguồn tài nguyên, tiềm năng của cả một khu vực rộng lớn Ayutthaya đã sớm vươn lên trở thành vương quốc trung tâm rồi thống nhất được Thái Lan<sup>(11)</sup>. *Trong cuộc đấu tranh xác lập chủ quyền lãnh thổ giữa cư dân bản địa và những người mới di cư đến theo Phật giáo Tiểu thừa, người Thái không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế mà còn góp phần tạo dựng một cảm thức tôn giáo chung cùng ý thức về một quốc gia thống nhất.*

Các sản phẩm thủ công Thái, bao gồm nhiều chủng loại gốm sứ, đã được đưa qua các cảng của Ayutthaya, Nakhon Sri Thammarat, Pattani đến nhiều trung tâm thương mại khu vực, Trung Quốc và Ấn Độ. Ayutthaya trở thành thương cảng nổi tiếng ở Đông Nam Á. Sự thịnh đạt của gốm Thái còn là do “Vào thế kỷ XIV, do chính quyền Minh (1368-1644) thực thi chính sách cấm hải, giới Hoa thương bị hạn chế tối đa việc buôn bán với nước ngoài nên hàng hoá Trung Quốc, trong đó có gốm sứ, đã không được đưa đến thị trường khu vực. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng gốm sứ của vùng Đông Nam Á lại rất lớn nên gốm Thái đã mau chóng lấp vào khoảng trống đó”<sup>(12)</sup>. Vào thời gian đó, không chỉ có gốm Sangkalok được sản xuất với số lượng lớn mà các lò

gồm vùng hạ lưu Chao Phraya cũng có nhiều hưng khởi. Gốm Bang Poon đã được tìm thấy ở nhiều thương cảng cổ Indonesia như các cảng Trowulan ở miền Đông Java. Các sản phẩm gốm của lò Mae Nam Noi, Bang Poon còn được đưa đến những vùng xa xôi như châu Phi, Australia. Gốm Thái được trao đổi với nhiều quốc gia trong suốt thời gian nhà Minh thực thi chính sách hải cấm.

Đến cuối thế kỷ XV đầu XVI, trên con đường thâm nhập vào xã hội phương Đông, các đoàn thương thuyền của phương Tây đã đến Xiêm. Một số thương cảng thực sự trở thành đầu mối giao thương quốc tế như Si Thammarat, Pattani... Các cảng này trở thành điểm đến thương xuyên, quen thuộc của các thương nhân Âu, Á. Mặc dù những ghi chép của người Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh... đã để lại một khối lượng tư liệu phong phú nhưng những nguồn tư liệu đó chắc chắn không thể phản ánh đầy đủ, khách quan toàn bộ mọi hoạt động cũng như mức độ buôn bán của Thái Lan trong lịch sử. Cùng với những phát hiện khảo cổ học trên mặt đất, trong những thập kỷ qua, sự phát triển của ngành Khảo cổ học dưới nước cũng đem lại nhiều thành tựu quan trọng cho việc nghiên cứu về hoạt động thương mại cổ Thái Lan trong mối liên hệ giao thương khu vực. Việc nghiên cứu các con tàu đắm, trong đó có tàu chở hiện vật gốm sứ Thái niên đại thế kỷ XIV-XV là minh chứng đầy sức thuyết phục về sự phát triển của ngành sản xuất này. Vai trò của Thái Lan trong quan hệ thương mại, trong một ý nghĩa nào đó còn được thể hiện qua số lượng tàu đắm phát hiện ở khu vực vịnh Xiêm. Một số tàu đắm hiện vẫn được bảo tồn tương đối nguyên vẹn

dưới lòng biển. Đến năm 1977, các nhà khoa học đã xác định và tiến hành khảo cứu được 8 chiếc có niên đại từ thế kỷ XIV-XVII<sup>(13)</sup>. Hiện nay, trong quan hệ hợp tác quốc tế, các nhà khoa học Thái đã phát hiện được 52 tàu đắm trong vùng vịnh Xiêm và biển Andaman, phần lớn các tàu có niên đại thế kỷ XVI-XVII, 14 tàu đã được khai quật<sup>(14)</sup>.

## 2. Những biến chuyển trong quan hệ giao thương

Như đã trình bày ở trên, đến thế kỷ XIV vùng hạ lưu sông Chao Phraya đã có sự phát triển trội vượt với sự hiện diện của trung tâm quyền lực mới Ayutthaya. *Được nuôi dưỡng bởi một châu thổ phì nhiêu và cả truyền thống thủ công nghiệp, thương nghiệp, Ayutthaya trở thành một khu vực Đông Nam Á đồng thời là một thương cảng chính của hệ thống thương mại Đông - Tây.* Như là một sự phát triển tương hỗ, một số trung tâm kinh tế khác của người Thái như Nakhon Si Thammarat, Pattani đã trở thành địa danh rất quen thuộc của không chỉ thương nhân châu Á mà còn của các đoàn thuyền buôn Tây Á, châu Âu trong nhiều thế kỷ. Trong những sản phẩm được thương nhân quốc tế ưa chuộng, ngoài gốm sứ còn có các sản phẩm tự nhiên như trầm hương, hương liệu, gỗ quý (trong đó đặc biệt là loại gỗ tếch, gỗ sao nổi tiếng dùng cho việc đóng thuyền), sừng tê, ngà voi, da hươu, da cá sấu... Trong những sản phẩm xuất khẩu còn có chì, thiếc khai thác từ vùng Khuan Luk Pat cùng một số khu vực ở miền nam và trung Thái Lan.

Sau khi vương triều Ayutthaya được

thiết lập năm 1351, chính quyền này đã cử nhiều sứ đoàn đến Trung Quốc để củng cố mối quan hệ mật thiết với nhà Minh. Theo thống kê, từ năm 1371 đến 1503, trong khuôn khổ chế độ cống nạp, triều đình Xiêm đã cử tất cả 78 đoàn ngoại giao - thương mại đến Trung Quốc. Về phần mình, vào các năm 1403-1421 chính quyền Ayutthaya cũng đã đón tiếp 13 sứ đoàn Trung Quốc trong đó có 2 sứ đoàn của Trịnh Hoà đến Xiêm năm 1408 và 1421. Do quan hệ với Xiêm ngày càng trở nên khăng khít nên triều đình nhà Minh phải thường xuyên cử người về vùng Quảng Đông để tìm kiếm phiên dịch. Đến năm 1579, triều Minh đã cho lập bộ phận thông dịch tiếng Thái trong Ban thông dịch (*Ssu-i-kuan*) ở vương triều<sup>(15)</sup>. Trong số các quốc gia Đông Nam Á, Xiêm là nước có quan hệ với các vương triều Trung Hoa mật thiết nhất. Nguồn lợi kinh tế cùng bản tính năng động, thực tế trong tính cách khiến người Xiêm luôn dành được tình cảm đặc biệt của triều đình Bắc Kinh. *Minh sử* ghi lại sự kiện năm 1395, nhân việc vua Xiêm là Chiêu Lợi Quân Ứng (Ramaracha, 1395-1409) sai sứ đến Trung Quốc triều cống và báo tang cha (Ramesuan, 1388-1395). Nhà Minh đã sai Trung quan Triệu Đạt sang viếng, hạ chiếu cho thế tử được kế thừa ngôi vua và được ban tặng nhiều hơn trước. Lời dụ viết: “Trẫm từ khi tức vị đến nay, sai sứ ra khỏi biên cương, đi khắp bốn phương, chân đặt lên đất của 36 xứ, tiếng nói lọt vào tai có đến 31 loại, phong tục khác nhau, nước lớn có 18 nước, nước nhỏ có 149 nước. Ngày nay, nước Xiêm La là gần nhất... Nay đặc biệt sai người đến ban mệnh cho vương, chớ để mất pháp độ”<sup>(16)</sup>. Trước đó, năm 1390, vua Xiêm đã cử sứ đoàn sang cống Trung Quốc: tô mộc, hồ

tiêu, giáng hương tất cả là 17 vạn cân<sup>(17)</sup>. Theo *Minh Thái Tổ thực lục* vào năm Hồng Vũ thứ 20 (1387), trong số cống vật của Chân Lạp có 60.000 cân (30.000kg) hương liệu; Xiêm La có 10.000 cân (5.000kg) cân hồ tiêu, 10.000 cân (5.000kg) tô mộc; Năm Hồng Vũ thứ 23 (1390) Xiêm La lại cống các loại tô mộc, hồ tiêu, giáng chân tổng cộng là 171.880 cân (85.940kg). Do giá hương liệu chênh lệch giữa thị trường Đông Nam Á và Trung Quốc nên lợi nhuận mà các nước có thể thu được thường từ 10 đến 20 lần<sup>(18)</sup>.

Cũng trong khoảng thời gian đó, vương quốc Ryukyu (Lưu Cầu), một bộ phận thuộc lãnh thổ Nhật Bản ngày nay, sau khi thiết lập quan hệ chính thức với Trung Quốc vào năm 1372 đã phát huy triệt để vị thế trung gian giữa hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á để phát triển thành một cường quốc thương mại. Bộ chính sử của vương quốc này là *Lịch đại bảo Án* (*Rekidai hoan*) đã ghi sự kiện sớm nhất trong quan hệ với Xiêm là năm 1425. Nhưng cũng có thể, từ những năm 1380 thời vua Satto (1350-1395) của vương quốc Trung Sơn (Chuzan), quan hệ giữa hai nước đã được thiết lập. Qua các thương nhân Ryukyu, Thái Lan nhập gốm sứ, tơ lụa... của Trung Quốc; lưu huỳnh, vũ khí, sơn mài của Nhật Bản, mặt khác cũng chủ động xuất khẩu lâm sản, ngà voi, gỗ quý, da hươu, da cá sấu, thiếc, gốm Sangkhalok đến thị trường Đông Bắc Á<sup>(19)</sup>. Mối quan hệ giữa Xiêm với vương quốc Lưu Cầu vẫn tiếp tục được duy trì thường xuyên, mật thiết cho đến cuối thế kỷ XV.

Trong lịch sử, cũng như các thương nhân Java, Mã Lai, Champa giới doanh thương Thái đã tích cực, chủ động thâm nhập vào hệ thống giao thương Đông Á.

Họ không chỉ tìm kiếm nguồn lợi trên các tuyến thương mại chính, thị trường lớn mà luôn kết hợp với các tuyến buôn bán ngắn, thị trường mang tính nội vùng. Sự kết hợp và khả năng khai thác tối đa nguồn lợi trong các hoạt động giao thương quốc tế là một trong những đặc tính tiêu biểu đồng thời thể hiện ưu thế trội vượt, tài năng của giới thương nhân Thái.

### 3. Một số nhận xét và kết luận

Như vậy, trên nền tảng các mối quan hệ thời tiền sử và sơ sử, đến thế kỷ XV, trước khi các thương nhân phương Tây đến thăm dò rồi thâm nhập vào thị trường khu vực, mạng lưới giao thương của các vương quốc cổ trên đất Thái Lan đã được thiết lập. Từ các trung tâm nguyên liệu, sản xuất, các thương nhân, thợ thủ công và nghệ nhân Thái đã có mối quan hệ rộng mở với nhiều trung tâm kinh tế của các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á. Hơn thế, họ cũng có nhiều mối liên hệ với các thương nhân và trung tâm sản xuất, buôn bán vùng Tây Nam Á đặc biệt là vùng Đông Nam Ấn Độ.

Trong quá trình mở rộng quan hệ giao thương với các quốc gia khu vực, quốc tế nhiều cộng đồng cư dân sống trên lãnh thổ của các vương quốc cổ Thái Lan không chỉ thúc đẩy quan hệ giao thương mà còn tiếp nhận kỹ thuật, trau dồi năng lực sản xuất, sáng tạo. Thông qua các hoạt động kinh tế, giao lưu văn hoá đa dạng đó, một cách tự nhiên, họ đã có thể nâng cao vị thế kinh tế, chính trị của mình trong mối quan hệ với các quốc gia trong và ngoài khu vực.

Trên bình diện kinh tế đối ngoại, từ khoảng thế kỷ X, hoạt động kinh tế của các vương quốc cổ Thái Lan bắt đầu có sự

chuyển dịch từ phía Tây sang phía Đông. Dưới tác động của các đoàn thuyền buôn Trung Hoa, người Thái cũng ngày một hướng mạnh đến khu vực thị trường Đông Bắc Á. Đến khoảng thế kỷ XV-XVI, quan hệ với vùng kinh tế Đông Bắc Á đã chiếm ưu thế trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Sự chuyển dịch trọng tâm kinh tế đó hiển nhiên cũng đã kéo theo những biến đổi về văn hoá, kỹ thuật sản xuất, hoạt động kinh tế cũng như nhận thức, tư duy chính trị khu vực.

Bước vào *Thời đại hoàng kim* của hệ thống thương mại châu Á<sup>(20)</sup>, trên nền tảng của nền kinh tế sản xuất và quan hệ giao thương truyền thống, Thái Lan vẫn là một xã hội cởi mở, năng động. Người Thái vẫn tiếp tục khẳng định vai trò kinh tế với nhiều ưu thế trội vượt so với các quốc gia khác trong khu vực..!

---

### CHÚ THÍCH:

1. Arnold Toynbee: *Nghiên cứu về lịch sử - Một cách thức diễn giải*. Nxb. Thế giới, H., 2002. Tham khảo thêm Momoki Shiro: *The Present-day Significance of the Research in Asian Maritime Trade in the Medieval and Early Period*, p.59-61; và các ý kiến của Xu Xiaowang, Li Yunli trong FY 2007 Report of Sakai-Asia Cultural Partnership Conference Collaborative Research Project, International Division, Sakai city, March 2008.
2. Hà Văn Tấn: *Một số ghi chú về trống đồng ở Đông Nam Á*; trong: Theo dấu các văn hoá cổ, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997, tr.698-710.
3. Amara Srisuchat: *Merchants, Merchandise, Markets: Archaeological Evidence in Thailand Concerning*



- Maritime Trade Interaction between Thailand and Other Countries before the XVIth Century AD*, The Office of the National Culture Commission, Bangkok Thailand, 1996, 1996, p.253.
4. Karashima Noburu: *Hoạt động thương mại của ấn Độ ở Đông Nam Á thời cổ trung đại*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3(280), 1995, tr.69.
  5. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr.131-141.
  6. Nguyễn Văn Kim: *Thế chế biển Srivijaya và các mối quan hệ khu vực*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1(94), 2008, tr.3-18.
  7. Kenneth R. Hall: *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, 1985, p.170-171.
  8. Amara Srisuchat: *Merchants, Merchandise, Markets: Archaeological Evidence in Thailand Concerning Maritime Trade Interaction between Thailand and Other Countries before the XVIth Century AD*, Sdd, 1996, p.257.
  9. G. Coedès: *Cổ sử các quốc gia ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế Giới, H., 2008, tr.367.
  10. Victor Lieberman: *Strange Parrallels - Southeast Asia in Global Context, c.800-1830*, Cambridge University Press, 2003. Trong công trình này, theo quan điểm của tác giả trong khoảng thời gian 1440-1560, ở Đông Nam Á bán đảo đã xuất hiện bốn cường quốc đó là Campuchia, Lan Sang (Laos), Lan Na và Ayutthaya (Xiêm). Các cường quốc này đều gắn với hoạt động của các dòng sông, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo, Bà La Môn giáo và đều có mối giao lưu rộng lớn, p. 263-273.
  11. Nicholas Tarling (Ed.): *The Cambridge History of Southeast Asia*, Vol.I, Cambridge University Press, 1992, p.170.
  12. Amara Srisuchat: *Merchants, Merchandise, Markets: Archaeological Evidence in Thailand Concerning Maritime Trade Interaction between Thailand and Other Countries before the XVIth Century AD*; in *Ancient Trades and Cultural Contacts in Southeast Asia*, Sdd, p.248.
  13. Đó là các tàu: Sattahip, Rang Kwien, Pattaya, Ko Kradat, Si Chang No.1 - 2 & 3 và Samui. Bên cạnh đó, cũng có 6 địa điểm nữa cũng đã được phát hiện. Xem: Sayan Prishanchit: *Maritime Trade during the XIV to XVII Century: Evidence from Underwater Archaeological Sites in the Gulf of Thailand*, in *Ancient Trades and Cultural Contacts in Southeast Asia*, The Office of the National Culture Commission, Bangkok Thailand, 1996, p.278.
  14. Erbpren Vatcharangkul: *National Report of Thailand UNESCO Experts Meeting on the Underwater Cultural Heritage*, 9-11 April, 2007. Xem thêm Dawn Rooney: *Sunken Ships in the Gulf of Thailand*, Oriental Art Magazine, Vol. XXVII/2, Summer, p.190-197.
  15. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Early Modern Era: Trade, Power, and Belief*, Cornell University Press, 1993, p.182.
  16. *Minh sử - Ngoại quốc truyện*; Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN.
  17. *Minh sử - Ngoại quốc truyện*; Tư liệu Khoa Lịch sử.
  18. *Minh Thái Tổ thực lục*, Q.183, tháng 7 năm Hồng Vũ thứ 20. Dẫn theo Dương Văn Huy: *Nhìn lại chính sách "Hải cấm" của nhà Minh (Trung Quốc)*; Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 10 (378), 2007, tr.71-78.
  19. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của vương quốc Ryukyu với các nước Đông Nam Á thế kỷ XIV-XVI*; trong: *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr. 141-159. Xem thêm Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, Kawakita Printing Co., Ltd, Kyoto, Japan, 1969.
  20. Anthony Reid: *Southeast Asian in the Age Commerce 1450-1680*, Vol.2, Yale University Press, 1993.